

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 08/4/2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Lành

2. Bà Dương Thị Tú Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Ông Trần Tấn Trung- Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 4 N 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử công khai vụ án thụ lý số 248/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 N 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 N 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 N 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh N 1964; Địa chỉ: Ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Bà Lý Thị N1, sinh N 1968; Địa chỉ: Ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

(Ông Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lý Thị N1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là ông Nguyễn Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Lý Thị N1 chung sống chung với nhau từ N 1985, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân hơn 07 N nay. Do nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bà N1.

- Về con chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lý Thị N1 đã được Tòa án nhân dân huyện Phước Long tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà N1 vẫn vắng mặt, không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước long phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Lý Thị N1 tự nguyện xây dựng hôn nhân từ N 1985, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông N xác định vợ chồng chung sống không hợp nhau, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với bà N1. Căn cứ theo điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình N 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, cho ông N ly hôn với bà N1.

- + Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu
- + Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu
- + Về án phí: Ông Nguyễn Văn N chịu 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Lý Thị N1 là tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Bà Lý Thị N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, ông N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông N, bà N1 là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Lý Thị N1 sống chung từ N 1985, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình quy định “a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 N 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình N 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình N 2000;”. Căn cứ quy định trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông N, bà N1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương

yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, sống chung với nhau nhưng ông N và bà N1 đã sống ly thân hơn 07 N nay. Quá trình giải quyết vụ án bà N1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng bà N1 không đến, cho thấy bà N1 đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Trong khi đó, ông N xác định không còn tình cảm gì với bà N1 và cương quyết ly hôn. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn N và bà Lý Thị N1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình N 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N được ly hôn với bà N1

[3] Về con chung, tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng, ông N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự N 2015;

Áp dụng điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình N 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, cho ông Nguyễn Văn N ly hôn với bà Lý Thị N1

- *Về con chung, tài sản chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

- *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), ông N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0009565 ngày 08 tháng 10 N 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đường sự (để thi hành);
- UBND xã Vĩnh Thanh;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Triệu Thanh Liêm****Các Hội thẩm nhân dân****Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phan Văn Chiếu

Trần Văn Phước

Triệu Thanh Liêm